

Số: /2023/QĐ-UBND Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về hạn mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở, đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện*

*một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày tháng năm 2023, văn bản thẩm định số /BC-STP ngày /2023 của Sở Tư pháp.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về hạn mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở, đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2030.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.

2. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN sinh sống bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp chưa có đất sản xuất, có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thì được xem xét hỗ trợ trực tiếp bằng đất sản xuất.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Công khai, minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức, không chông chéo, phát huy tinh thần vươn lên của người dân và cộng đồng.

2. Ưu tiên các đối tượng khó khăn hơn như: các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

### **Điều 4. Hạn mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở**

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách, khả năng đáp ứng quỹ đất và ngân sách của từng địa phương, UBND cấp huyện xem xét việc giao đất để làm nhà ở cho các hộ nhưng không được vượt quá hạn mức hỗ trợ giao đất để làm nhà ở cho mỗi hộ gia đình chưa có đất ở là 200m<sup>2</sup>/hộ.

### **Điều 5. Hạn mức hỗ trợ giao đất sản xuất**

1. Trường hợp địa phương còn quỹ đất có khả năng sản xuất mà không cần phải thực hiện khai hoang, phục hóa, cải tạo đất, UBND cấp huyện căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện giao đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa

có đất sản xuất theo quy định của pháp luật về đất đai với hạn mức giao đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình chưa có đất sản xuất như sau:

a) Đất trồng cây hàng năm:

- Đất trồng lúa: không quá 0,2ha/hộ;

- Đất trồng cây hàng năm khác: không quá 0,25 ha/hộ

b) Đất trồng cây lâu năm: không quá 0,5 ha/hộ.

c) Đất nuôi trồng thủy sản: không quá 0,5 ha/hộ.

d) Đất rừng sản xuất: không quá 1,0 ha/hộ.

2. Trường hợp hộ gia đình được giao nhiều loại đất thì tổng diện tích các loại đất được giao không quá 2,0 ha/hộ.

3. Hạn mức giao đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình thiếu trên 50% đất sản xuất được xác định theo hạn mức giao đất còn lại cho từng loại đất quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (tổng diện tích đã được giao và diện tích được giao bổ sung không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

4. Trường hợp hộ chưa có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, có nhu cầu chuyển đổi nghề hoặc có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất nhưng không bố trí được đất sản xuất thì được xem xét, hỗ trợ chuyển đổi nghề.

#### **Điều 6. Điều kiện về hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất**

1. Không hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất đối với các hộ đã nhận hỗ trợ đất ở, đất sản xuất từ các chương trình, chính sách trước đây nhưng đến nay đã chuyển nhượng, cho, tặng quyền sử dụng đất.

2. Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBK, thôn ĐBK vùng đồng bào DTTS&MN được hỗ trợ đất ở để làm nhà ở, đất sản xuất phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất.

Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng đất do được Nhà nước giao đất theo chính sách hỗ trợ chỉ được chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất sau 10 năm kể từ ngày có quyết định giao đất nếu được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không còn nhu cầu sử dụng do chuyển khỏi nơi cư trú để đến nơi khác hoặc do chuyển sang nghề khác hoặc không còn khả năng lao động.

3. Việc giao đất ở phải gắn phương án làm nhà ở trên diện tích đất được giao, tránh tình trạng các hộ được giao đất ở nhưng lại không có nhà ở.

Ở những nơi có điều kiện về đất đai, chính quyền địa phương sử dụng số tiền hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật để giao đất ở cho các đối tượng được thụ hưởng. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được quy định tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg.

4. Trường hợp địa phương còn quỹ đất sản xuất nhưng phải khai hoang, phục hóa, cải tạo đất để có khả năng sản xuất, UBND cấp huyện chỉ đạo tổ chức lập và thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để giao đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách chưa có đất sản xuất theo quy

định của pháp luật về đất đai. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện dự án khai hoang, phục hóa, cải tạo đất quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg.

### **Điều 7. Tổ chức triển khai thực hiện**

#### **1. Ban Dân tộc tỉnh**

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành căn cứ nội dung chính sách theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022, Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc, Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ, xây dựng quy trình rà soát đối tượng hỗ trợ thực hiện theo quy định trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố để xác định nhu cầu vốn, tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện theo giai đoạn và hàng năm trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố để tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí tổ chức rà soát, hướng dẫn triển khai và kiểm tra thực hiện tại địa phương.

d) Kiểm tra và theo dõi việc thực hiện bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy định hiện hành về hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 và Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban dân tộc.

đ) Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính phối hợp với Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện thủ tục giao đất cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo và hộ người Kinh nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đất đai.

#### **4. Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, UBND cấp huyện có trách nhiệm rà soát, nghiên cứu bố trí các quỹ đất ở, đất sản xuất cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng được nhu cầu cho các đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định.

b) Bố trí ngân sách của địa phương và thực hiện việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ được hỗ trợ giao đất làm nhà ở, đất sản xuất theo đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật.

c) Chỉ đạo UBND cấp xã: rà soát, xác định đối tượng trình UBND cấp huyện phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách theo quy định; có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc người sử dụng đất được hỗ trợ chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, sử dụng không đúng mục đích đã được Nhà nước hỗ trợ giao đất.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.
2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban ngành tỉnh; Trưởng ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 8;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị, xã hội tỉnh;
- Đài phát thanh, truyền hình Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp;
- Báo Khánh Hòa;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**